

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2025/HNGĐ-ST
Ngày 09 – 4 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Huê
Ông Nguyễn Phú Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thảo Vy –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ -Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 55/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngụy Văn C, sinh ngày 27/01/1989; nơi cư trú: Số C, tổ G, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Bích S, sinh ngày 19/8/1989; nơi cư trú: Tổ G, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Ngụy Văn Cao trình B và có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Bích S qua mai mối, tự tìm hiểu, sau đó được sự chấp thuận của hai bên gia đình nên có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian đầu cũng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn; trong gia đình ông là con út từ khi về sống chung thì bà S và mẹ của ông thường xuyên cãi vã vì những chuyện sinh hoạt trong đời sống hằng ngày, ông chịu không nổi nên ông và bà S đã ly thân với nhau từ cuối năm 2024 đến nay. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Bích S, ông cam kết từ trước đến nay vụ việc ly hôn giữa ông và bà S chưa được giải quyết bằng bản án hay quyết định nào.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung với bà S có 01 (một) con chung tên Ngự Trần Yến V, sinh ngày 02/01/2012; hiện con chung đang sống với bà S, sau khi ly hôn tôi đồng ý để bà S được trực tiếp nuôi con chung và tôi cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

- Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Trần Thị Bích S trình bày ý kiến như sau:*

Bà thống nhất với ông Ngự Văn C về nguyên nhân và thời gian tiến đến hôn nhân, bà và ông C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang vào năm 2011. Trong thời gian chung sống tôi với ông C có 01 (một) con chung là Ngự Trần Yến V, sinh ngày 02/01/2012. Nay đối với yêu cầu ly hôn của ông C thì bà có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Vợ chồng chung sống thì ai cũng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng bà cũng thế. Tuy nhiên mâu thuẫn không xuất phát từ phía vợ chồng mà xuất phát từ gia đình chồng (chị chồng, mẹ chồng, dì chồng). Sau khi kết hôn, cả hai chung sống cùng nhà bên vợ (nhà bà S) được 7 -8 năm, sau đó cả hai về nhà chồng sinh sống cùng chồng và mẹ chồng, mọi chuyện đều hạnh phúc nhưng từ khi chị chồng về chung sống cùng vào cuối năm 2024 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, chị chồng nhiều lần vu khống bà ăn cắp đồ, mẹ chồng thì bênh vực chị chồng, dì chồng mà mắng chửi bà, rồi đuổi bà ra khỏi nhà. Từ đó bà đến nhà mẹ đẻ sống đến nay, nhà bà cách nhà chồng khoảng 50m. Vì vậy, bà không đồng ý ly hôn với ông C vì bà cho rằng bà vẫn còn thương chồng, thương con.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống với ông C, bà và ông C có 01 (một) con chung là Ngự Trần Yến V, sinh ngày 02/01/2012. Hiện V đang sống với bà, nếu trường hợp Tòa án xử cho tôi với ông Cao ly H thì tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu ông Cao cấp D nuôi con chung với mức cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng cho đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động được.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa:

+ Ông Ngự Văn Cao trình B: Ông Cao vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày như trong đơn khởi kiện về hôn nhân, về con chung và về tài sản chung đối với bà Trần Thị Bích S. Tuy nhiên, ông xác định về mức cấp dưỡng nuôi con ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung tên Ngự Trần Yến V, sinh ngày 02/01/2012 mỗi tháng số tiền là 2.000.000 đồng.

+ Bà Trần Thị Bích S trình bày và có ý kiến: Bà không đồng ý ly hôn với ông C vì cho rằng mình vẫn còn thương chồng, thương con; trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu nguyên đơn cho ly hôn thì bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung

tên Ngụy Trần Yên V và yêu cầu ông Cao cấp D nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, tự thỏa thuận.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Bích S.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Ngụy Trần Yên V, sinh ngày 02/01/2012 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Buộc ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung với mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng, bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Yên V đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

- Về tài sản chung nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Giữa ông Ngụy Văn C và bà Trần Thị Bích S là hôn nhân hợp pháp bởi ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ông Ngụy Văn C yêu cầu xin ly hôn còn bà Trần Thị Bích S yêu cầu đoàn tụ; nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà S cũng không đưa ra phương án để hàn gắn đoàn tụ. Xem xét yêu cầu xin ly hôn của ông Ngụy Văn C, Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng của ông bà đã không còn hạnh phúc, do một bên không còn tình cảm, đã có khoảng thời gian ly thân, cả hai có những mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được do giữa ông, bà không có sự cảm thông cho nhau. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông, bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông Ngụy Văn C là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, ông Ngụy Văn C được ly hôn với bà Trần Thị Bích S.

[2.2] Về nuôi con chung: Theo giấy khai sinh của Ngụy Trần Yên V, sinh ngày 02/01/2012 và lời trình bày của ông Ngụy Văn C, bà Trần Thị Bích S thì ông, bà có con chung chưa thành niên tên Ngụy Trần Yên V, sinh ngày 02/01/2012. Cháu Yên V hiện đang sống chung với bà S, ý kiến của cháu Yên V muốn sống chung với bà S. Bà Trần Thị Bích S yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu ông Cao cấp D nuôi

con chung mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tới khi con thành niên có khả năng lao động.

Xét thấy, con chung đã và đang được bà Trần Thị Bích S giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu, tạo điều kiện cho cháu được ổn định về tâm sinh lý, chỗ ở, sinh hoạt và học tập, ông C cũng đồng ý cho bà S được nuôi con chung nên bà Trần Thị Bích S yêu cầu được nuôi con là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao con chung chưa thành niên tên Ngụy Trần Yên V, sinh ngày 02/01/2012 cho bà Trần Thị Bích S được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Ngụy Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Trần Thị Bích S và các thành viên trong gia đình của bà Trần Thị Bích S không được cản trở ông Ngụy Văn C thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Cao chỉ đồng ý mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng); bà S yêu cầu mức cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) đến khi con thành niên và có khả năng lao động, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã hòa giải nhưng không thành về nội dung này.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì cha hoặc mẹ, bên không trực tiếp nuôi dưỡng có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn. Bà S được Tòa án giao quyền trực tiếp nuôi con chung nên bà S có quyền yêu cầu ông Cao cấp D nuôi con, bà S yêu cầu ông Cao cấp D nuôi con chung với mức cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà S không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu này của mình. Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình thì trường hợp các bên không thỏa thuận được mức cấp dưỡng thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng, mức cấp dưỡng mà Tòa án quyết định “*không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*”. Mức lương tối thiểu vùng nơi ông C cư trú là 3.860.000 đồng. Xét thấy, tiền cấp dưỡng nuôi con là chi phí dùng cho việc nuôi dưỡng, học tập của con chung, cũng như xem xét vào khả năng thực tế vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng nên sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của ông C là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, với mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng, bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Ngụy Văn C và bà Trần Thị Bích S trình bày tài sản chung và nợ chung giữa ông C và bà S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[3] *Về án phí*: Ông Nguyễn Văn C là phải chịu án phí hôn nhân gia đình về ly hôn, cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 186, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, khoản 2 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Bích S.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 60/2011, ngày 20/4/2011 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Bích S không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về quan hệ nuôi con*: Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Bích S 01 (một) con chung chưa thành niên Nguyễn Trần Yến V, sinh ngày 02/01/2012

2.1. Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Trần Yến V, sinh ngày 02/01/2012 cho bà Trần Thị Bích S được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Trần Thị Bích S và các thành viên trong gia đình của bà Trần Thị Bích S không được cản trở ông Nguyễn Văn C thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.2. Ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho con chung Nguyễn Trần Yến V với mức cấp dưỡng cho là 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng trên tháng), bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N Trần Yến V đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt trong các trường hợp khác quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Bích S trình bày tài sản chung và nợ chung giữa ông và bà S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

4. *Về án phí:* Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), về việc cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009337 ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Ông Nguyễn Văn C còn phải nộp số tiền án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi Cục THA dân sự huyện Châu Phú;
- Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Tuyết Mai